

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2006

**TỔNG HỢP CÁC CÂU TRẢ LỜI THEO YÊU CẦU CỦA ỦY BAN CEDAW
BỔ SUNG BÁO CÁO QUỐC GIA VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÔNG ƯỚC CEDAW LẦN THỨ 5-6**

Câu 1:

Theo quy định của Nhà nước, Báo cáo quốc gia lần thứ 5 và 6 (ghép) về tình hình thực hiện CEDAW đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 14/1/2005 - trước khi gửi tới Liên hợp quốc.

Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế đã được Quốc hội thông qua năm 2005 quy định tại Điều 102: Quốc hội giám sát thông qua các hoạt động xem xét báo cáo về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Chủ tịch nước và Chính phủ. Như vậy, bắt đầu từ ngày Luật có hiệu lực 1/1/2006 – các báo cáo quốc gia về các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đó có Báo cáo về CEDAW tới đây sẽ được trình cả Chính phủ và Quốc hội thông qua.

Câu 2:

- *Nguyên nhân của thực trạng có rất ít vụ án hành chính do phụ nữ khởi kiện ra tòa vì lý do phân biệt đối xử trên cơ sở giới:*
 - Năm 1996, Tòa hành chính mới được thành lập và nằm trong hệ thống Tòa án nhân dân.
 - Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996 chưa quy định rõ những vụ việc liên quan đến vấn đề bình đẳng giới hay quyền của phụ nữ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Hành chính.
 - Trình tự thủ tục khởi kiện và giải quyết vụ án hành chính còn phức tạp. Chưa có cơ chế hiệu quả để bảo đảm thi hành các phán quyết hành chính.
 - Hiểu biết về pháp luật của người dân nhìn chung còn hạn chế, chưa quen với việc khởi kiện hành chính. Phụ nữ lại thường có tâm lý ngại đưa các vụ việc ra tòa.
- *Thông tin về những vụ kiện do phụ nữ bị phân biệt đối xử khởi kiện, kết quả của các vụ kiện này:*

Hiện chưa có số liệu thống kê các vụ án hành chính có tách biệt số vụ án do phụ nữ khởi kiện liên quan đến vấn đề vi phạm quyền bình đẳng của phụ nữ.

- *Những biện pháp hành chính hoặc những biện pháp khác nhằm bảo vệ phụ nữ là nạn nhân của tệ phân biệt đối xử:*
- Nghị định số 113/NĐ-CP, ngày 16/4/2004, của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động có quy định phạt tiền từ 1 triệu đến 5 triệu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm danh dự và nhân phẩm lao động nữ theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Nghị định số 45/2005/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế. Tại Nghị định này, Chính phủ đã quy định phạt tiền từ 500.000đ đến 1.500.000đ đối với hành vi không thực hiện các quy định về chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ.
- Bộ Luật Hình sự có riêng một điều quy định về tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ (Điều 130). Theo đó, người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, xã hội thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến một năm.
- Tiến hành các hoạt động hoà giải ở cơ sở.
- Hội phụ nữ các cấp, Ban nữ công thực hiện vai trò đại diện và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, hội viên khi bị xâm phạm, trong đó có việc tiếp nhận đơn thư, phối hợp với các cơ quan chức năng để giải quyết; giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách liên quan tới phụ nữ.

Câu 3:

Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010 đã đề ra mục tiêu tổng quát, 5 mục tiêu cụ thể với 20 chỉ tiêu định lượng và 9 giải pháp cơ bản để thực hiện đến năm 2010.

Nhằm bảo đảm hiệu quả thực hiện Chiến lược, UBQG đã xây dựng và ban hành KHHĐ vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2005 gồm 5 mục tiêu, 20 chỉ tiêu định lượng và 66 biện pháp thực hiện. Căn cứ KHHĐ nêu trên, 45 bộ ngành trung ương và 64/64 tỉnh thành trong cả nước đã xây dựng KHHĐ đến năm 2005 của đơn vị mình.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 12/5/2006, Bộ KH-ĐT và UBQG đã phối hợp tổ chức Hội nghị toàn quốc để tổng kết KHHĐ đến năm 2005, sơ kết giữa kỳ Chiến lược quốc gia và triển khai kế hoạch thực hiện đến năm 2010. Kết quả như sau:

- *Những tiến bộ đạt được:*
- Việc thực hiện 5 mục tiêu đề ra trong Chiến lược đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Có 8/20 chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch, nổi bật là:

- + Tỷ lệ nữ trong số lao động được giải quyết việc làm đạt 46,5%-vượt 6,5% so với kế hoạch.
 - + Tỷ lệ sử dụng thời gian của lao động nữ ở nông thôn tăng đạt 80,2%-vượt 5,2% so với kế hoạch.
 - + Tỷ lệ phụ nữ chiếm 30,1% trong tổng số người được đào tạo trên đại học-vượt 0,1% so với kế hoạch.
 - + Đạt chỉ tiêu 90% phụ nữ được tiếp cận với dịch vụ y tế.
 - + Tỷ lệ nữ tham gia các cơ quan dân cử đều tăng 2% so với khoá trước (đã nêu cụ thể trong báo cáo và phụ lục số liệu).
- Bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ được kiện toàn khá cơ bản từ cấp trung ương tới bộ ngành, tỉnh thành, tạo cơ chế thuận lợi để lồng ghép giới vào hoạch định và thực thi chính sách đạt hiệu quả. Nhận thức giới và kỹ năng hoạt động của bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ cũng được nâng lên đáng kể.
 - Điểm mạnh trong quá trình thực hiện Chiến lược lần này là các bộ ngành chức năng đã nhận thức đầy đủ hơn trách nhiệm của mình về thực hiện các chỉ tiêu quốc gia, từ đó chủ động đưa ra các biện pháp triển khai hữu hiệu. Một số bộ như Kế hoạch-Đầu tư, Tư pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội đã từng bước tiến hành lồng ghép giới vào hoạt động chuyên môn.
 - Hiện nay, KHHD giai đoạn 2006-2010 đang được khẩn trương hoàn thiện để công bố chính thức trong thời gian tới.
- **Những tồn tại, thách thức trong quá trình thực hiện:**
 - Vẫn còn 60% chỉ tiêu của Chiến lược chưa đạt so với kế hoạch, trong đó có các chỉ tiêu về tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí ra quyết định (mục tiêu 4) và nâng cao năng lực của bộ máy quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ (mục tiêu 5).
 - Công tác chỉ đạo thực hiện các mục tiêu của Chiến lược còn thiếu đồng bộ và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp.
 - Việc thu thập thông tin giới và số liệu tách biệt theo giới tính còn hạn chế.
 - Một số định kiến giới vẫn tồn tại trong đời sống xã hội đã gây trở ngại trong việc thực hiện Chiến lược, nhất là mục tiêu về giáo dục và tham chính.
 - Bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ tuy được kiện toàn nhưng chất lượng hoạt động chưa cao, việc đầu tư nguồn lực cho bộ máy này còn hạn chế.

- **Cơ chế kiểm tra và đánh giá thực hiện Chiến lược:**

Về kiểm tra, UBQG được Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm trong việc đôn đốc và kiểm tra tình hình thực hiện Chiến lược. Thực hiện vai trò này, UBQG đã tiến hành các hoạt động sau:

- Điều đặn hàng năm, tổ chức các đoàn kiểm tra tình hình thực hiện KHHĐ ở các bộ ngành, tỉnh thành. Từ năm 2002 tới nay, UBQG đã tổ chức được 41 đoàn kiểm tra 45 lượt ở bộ ngành và 75 lượt ở tỉnh thành. Các đoàn kiểm tra có trách nhiệm tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc cũng như những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện KHHĐ ở các đơn vị. UBQG có nhiệm vụ tập hợp và đề xuất hướng giải quyết các kiến nghị của các đơn vị và đoàn kiểm tra. Kết quả kiểm tra từng năm được tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- Hướng dẫn các bộ ngành, tỉnh thành hàng năm tiến hành công tác kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc và các địa phương.

• **Về đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược:**

- Theo quy định của Chiến lược, các bộ ngành, tỉnh thành có trách nhiệm hàng năm báo cáo kết quả thực hiện KHHĐ của đơn vị.
- Công tác sơ kết giữa kỳ tình hình thực hiện KHHĐ ở cấp quốc gia được tiến hành vào tháng 6/2004 và tổng kết KHHĐ (cũng chính là sơ kết các mục tiêu giữa kỳ của Chiến lược) vào tháng 5/2006 như đã nêu trên. Để chuẩn bị cho các hoạt động này, Bộ KH-ĐT chủ trì hướng dẫn các bộ ngành, tỉnh thành về nội dung, cách thức đánh giá sơ, tổng kết. UBQG đôn đốc, tập hợp thông tin từ các bộ ngành, tỉnh thành. Bộ KH-ĐT và UBQG phối hợp soạn thảo báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ và công bố kết quả đánh giá tới các bộ ngành, tỉnh thành tại Hội nghị toàn quốc.
- Từ năm 2003, Bộ KH-ĐT được giao trách nhiệm báo cáo Chính phủ về nội dung đánh giá hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, trong đó có việc thực hiện KHHĐ để đưa thành một nội dung trong báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ hàng năm.

Những khó khăn, thách thức chủ yếu trong hoạt động kiểm tra đánh giá:

- Kinh phí đầu tư cho công tác kiểm tra đánh giá còn rất hạn chế.
- Việc thiếu cung cấp thông tin tách biệt theo giới tính và số liệu giới của các bộ ngành, địa phương đã gây khó khăn cho việc tổng hợp tình hình.
- Công tác theo dõi đôn đốc thực hiện các khuyến nghị chưa được quan tâm đầy đủ nên chưa nâng cao được chất lượng và hiệu quả kiểm tra.

Câu 4:

- *Vị trí:* UBQG là cơ quan tham mưu về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.
- *Cơ chế báo cáo của UBQG:* Hàng năm, UBQG báo cáo bằng văn bản lên Thủ tướng Chính phủ về kết quả hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Trong những trường hợp cần thiết, lãnh đạo UBQG đề xuất làm việc trực tiếp với Thủ tướng để xin ý kiến chỉ đạo.
- *Nguồn nhân lực và tài chính của UBQG:*
 - Về nhân lực: UBQG có 19 thành viên, trong đó:
 - Chủ tịch: Chủ tịch Hội LHPNVN được Thủ tướng Chính phủ mời làm Chủ tịch UBQG.
 - 1 Phó chủ tịch thường trực chuyên trách.
 - 2 Phó chủ tịch là thứ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ Giáo dục-Đào tạo.
 - 15 thành viên là thứ trưởng hoặc tương đương của 15 bộ ngành trung ương-làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
 - Giúp việc cho UBQG là Văn phòng với 11 cán bộ chuyên trách.
 - Về tài chính: Kinh phí hoạt động hàng năm của UBQG do Nhà nước cấp từ nguồn ngân sách quốc gia. Trong 5 năm qua, ngân sách của UBQG đã liên tục tăng và đến năm 2005 đã tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2002. Ngoài kinh phí của Nhà nước, UBQG đã chủ động kêu gọi tài trợ của các tổ chức quốc tế để thực hiện tốt hơn các chức năng, nhiệm vụ được giao phó.
 - Về cơ sở vật chất: UBQG có trụ sở làm việc với những trang bị máy móc cần thiết.
- *Mối quan hệ với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam:*
 - Hội LHPNVN là thành viên nòng cốt của UBQG.
 - Cơ quan TW Hội LHPNVN cử người tham gia giúp việc, hỗ trợ công tác hành chính và bảo đảm các điều kiện phương tiện làm việc cho UBQG.

Cơ cấu tổ chức như trên đã tạo nên mối quan hệ hợp tác chặt chẽ hỗ trợ hiệu quả giữa UBQG và Hội. Cơ chế này giúp phản ánh trực tiếp, đầy đủ và kịp thời nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ vào quá trình tham mưu và thực hiện chính sách bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ của Nhà nước. Thực tế trong những năm qua cho thấy, Hội phụ nữ đã đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Câu 5 :

- Tháng 3/2004, việc xây dựng Dự thảo Luật Bình đẳng giới được chính thức bắt đầu. Đến ngày 31/5/2006, Dự thảo Luật được trình ra Quốc hội khoá XI tại kỳ họp thứ 9. Hiện nay, Ủy ban thường vụ Quốc hội đang chỉ đạo việc lấy ý kiến đóng góp của các Đoàn Đại biểu Quốc hội. Sau đó, Dự thảo Luật sẽ được chỉnh sửa và trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 10 vào tháng 10 - 11/2006).
- *Dự thảo Luật Bình đẳng giới hiện có 6 chương, 49 điều. Bao gồm:*
 - Chương I: Quy định chung (8 điều);
 - Chương II: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình (8 điều);
 - Chương III: Các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới (7 điều);
 - Chương IV: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện và đảm bảo bình đẳng giới (9 điều);
 - Chương V; Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới (15 điều);
 - Chương VI: Điều khoản thi hành (2 điều).

Sau đây là một số quy định nổi bật trong Dự thảo Luật:

- Quy định các nguyên tắc cơ bản của bình đẳng giới trên cơ sở 3 nguyên tắc của Công ước CEDAW (Điều 4).
- Quy định nguyên tắc bình đẳng nam, nữ trong việc ứng cử, Quốc hội, Hội đồng nhân dân và bổ nhiệm các chức danh, lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức (Điều 9).
- Quy định điều kiện hưởng lương hưu của nam và nữ là như nhau trong cùng một ngành, nghề. Phụ nữ có nguyện vọng được nghỉ sớm hơn từ 1-5 năm không bị trừ % lương hưu do nghỉ trước tuổi (Điều 11).
- Quy định nam nữ bình đẳng về độ tuổi, cơ hội, điều kiện tiếp cận và thụ hưởng các chính sách về giáo dục, đào tạo; cán bộ, công chức đi học mang theo con dưới 36 tháng tuổi được hỗ trợ (Điều 12).
- Quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới mang tính đặc biệt tạm thời theo tinh thần của CEDAW (Điều 17).
- Quy định các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc lao động gia đình (khoản 5 Điều 16).
- Quy định việc lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật (các Điều 3, 4, 6, 18, 19, 20, 21).
- Quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới (Điều 22).
- Quy định về nguồn tài chính cho hoạt động bình đẳng giới (Điều 23).

Việc xây dựng Luật bình đẳng giới đã thể hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc nội luật hoá các nguyên tắc và nội dung cơ bản của Công ước CEDAW vào hệ thống luật pháp, chính sách của Việt Nam.

Câu 6:

- *Chương trình nâng cao nhận thức cho nam giới và trẻ em trai:* Việt Nam chưa có chương trình riêng về nâng cao nhận thức về giới, xoá bỏ các định kiến dựa trên cơ sở giới cho đối tượng là nam giới và trẻ em trai, kể cả vùng nông thôn và dân tộc thiểu số. Để đạt mục tiêu bình đẳng giới, Việt Nam đã và đang tiến hành nhiều hoạt động nhằm từng bước nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới cho cả phụ nữ và nam giới. Tuy nhiên, sự tham gia của nam giới và trẻ em trai còn hạn chế.
 - *Biện pháp thúc đẩy nam giới và trẻ em trai chia sẻ việc nhà với phụ nữ:*
- Tuyên truyền sâu rộng kiến thức pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và gia đình, các văn bản khác liên quan đến bình đẳng nam nữ trong gia đình.
- Hội LHPNVN phát động phong trào “Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” được hưởng ứng rộng rãi; xuất bản và phát hành sâu rộng sách tranh “Việc nhà chia sẻ cùng nhau”, in ấn tranh cổ động với thông điệp “Hãy chia sẻ công việc gia đình” ...
- Nhiều đơn vị, địa phương đã tổ chức hội thảo về “Vai trò của người cha trong giáo dục con”, tổ chức thi “Gia đình văn minh, hạnh phúc”, thành lập Câu lạc bộ “làm chồng, làm cha” thu hút sự tham gia của nam giới.
- Công bố các kết quả nghiên cứu về thời gian làm việc của nam, nữ.
- Từng bước hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới, trong đó đề cập tới trách nhiệm của nam giới trong việc nhà.

Câu 7:

- *Biện pháp được tiến hành để giải quyết các rào cản đối với việc tham gia thị trường lao động của phụ nữ và hỗ trợ chia sẻ trách nhiệm gia đình và công việc:*
- Tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia các cấp bậc học, đặc biệt là ở các cấp cao như đại học và sau đại học.
- Thành lập trường dạy nghề Lê Thị Riêng dành cho phụ nữ. Xây dựng các Trung tâm dạy nghề gắn với giới thiệu việc làm ở 3 khu vực Bắc, Trung, Nam. Tổ chức dạy nghề tại làng xã theo cách truyền nghề.
- Liên kết giữa các Trung tâm dạy nghề với các doanh nghiệp để giới thiệu việc làm, cung ứng lao động. Một số địa phương đã tổ chức Ngày hội việc làm. Đây là cơ hội lớn cho mọi người tham gia vào thị trường lao động, kể cả nam và nữ.
- Hội LHPNVN ký kết chương trình phối hợp với Tổng cục dạy nghề về việc tăng cường dạy nghề cho phụ nữ tàn tật, phụ nữ ở khu vực thiếu đất sản xuất.
- Chính phủ cho phép thành lập Quỹ hỗ trợ phụ nữ.
- Biểu dương các doanh nghiệp giải quyết nhiều việc làm cho lao động nữ.
- Mở rộng các loại hình kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân và các khu chế xuất thu hút lực lượng lớn lao động nữ.

- Tăng cường hệ thống thông tin về thị trường lao động, tạo điều kiện để phụ nữ dễ dàng tiếp cận và lựa chọn công việc phù hợp với khả năng, nguyện vọng.
- Nâng cao chất lượng và số lượng hệ thống nhà trẻ mẫu giáo của nhà nước và tư nhân.
- Phát triển mạnh hệ thống siêu thị, cửa hàng cung cấp thực phẩm qua chế biến, các dịch vụ giúp việc gia đình để giảm nhẹ công việc nội trợ.
- Hội phụ nữ, Ban nữ công có các hình thức đa dạng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn phụ nữ cân đối giữa công việc và trách nhiệm gia đình.
- *Tác động của các biện pháp nêu trên:*

Nhìn chung, các biện pháp nêu trên đã góp phần tạo điều kiện cho phụ nữ có nhiều cơ hội tham gia vào thị trường lao động, giúp phụ nữ và nam giới cân bằng giữa trách nhiệm gia đình và công việc tốt hơn.

Câu 8:

- Hiện nay, Việt Nam chưa có số liệu thống kê quốc gia về tình hình bạo lực đối với phụ nữ. Tuy bị toàn xã hội lên án nhưng tình hình bạo lực đối với phụ nữ vẫn đang tồn tại. Tệ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em vẫn diễn biến phức tạp (xem thêm câu 10). Vẫn còn có các vụ hiếp dâm, xâm hại tình dục trẻ em mặc dù hầu hết các vụ đã được pháp luật xử lý thích đáng.
- Riêng về bạo lực gia đình, nghiên cứu của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội năm 2006 tại 8/64 tỉnh, thành phố với 2.000 người được phỏng vấn cho thấy:
 - Có 2,3% gia đình có hành vi bạo lực về thể chất (đánh đập).
 - Có 25% gia đình có hành vi bạo lực tinh thần.
 - Có 30% cặp vợ chồng xảy ra hiện tượng ép buộc quan hệ tình dục (bao gồm cả vấn đề cưỡng ép, cản trở nạo hút thai, sinh con).

Nghiên cứu cũng cho thấy, không có sự khác biệt nhiều giữa các vùng, miền về tình hình bạo lực gia đình.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bạo lực gia đình chủ yếu liên quan đến lạm dụng rượu (60%-70%), ngoài ra là các nguyên nhân học vấn thấp, thiếu hiểu biết pháp luật, khó khăn về kinh tế, do vợ hoặc chồng ngoại tình...

- Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2005, các số liệu về bạo lực đối với phụ nữ nhìn chung chưa thu thập được do chưa có hệ thống báo cáo định kỳ quy định cho các cơ quan chức năng. Hiện có các loại số liệu sau đây được thu thập:
 - Các vụ án về hôn nhân và gia đình.
 - Trẻ em bị xâm hại và đối tượng xâm hại phân theo giới tính.

- Số phụ nữ hoạt động mại dâm có hồ sơ quản lý, được giáo dục, chữa bệnh và dạy nghề.
 - Số đối tượng mại dâm được phát hiện.
 - Tình hình xét xử tội danh buôn bán phụ nữ, trẻ em.
- Các số liệu được thu thập chỉ phản ánh được một phần xu hướng của nạn bạo lực vì việc thu thập, phân tích còn nhiều hạn chế.
- Quốc hội Việt Nam đang tiến hành xây dựng Luật phòng chống bạo lực gia đình. Dự thảo Luật này được xây dựng trên các quan điểm: Thể chế hoá chủ trương và đường lối của Đảng về vấn đề gia đình; làm rõ chức năng quản lý Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; coi trọng phòng ngừa bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm trọng; bảo đảm quyền con người nhất là đối tượng yếu thế như trẻ em, phụ nữ, người già; tôn trọng các quyền của công dân khi xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Theo kế hoạch, dự án Luật này sẽ được Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội trình Quốc hội có ý kiến vào cuối năm 2006 và trình Quốc hội thông qua vào năm 2007. Do vậy, có nhiều cơ sở để tin tưởng rằng công tác ban hành chính sách để ngăn chặn bạo lực gia đình sẽ được cải thiện.

Câu 9:

- Thực hiện khuyến nghị của Ủy ban tại ý kiến kết luận lần trước, công tác nâng cao nhận thức về bạo lực đối với phụ nữ cho cán bộ, công chức, đặc biệt là công an, bộ đội biên phòng, cán bộ tư pháp và các cán bộ chính quyền, đoàn thể địa phương đã được quan tâm hơn. Nội dung tập trung vào phòng chống buôn bán phụ nữ, mại dâm, xâm hại tình dục phụ nữ, trẻ em. Đặc biệt là ở các địa bàn nguy cơ cao, các khu đô thị, các vùng nông thôn có nhiều phụ nữ và trẻ em bị buôn bán. Tuy nhiên, chưa có chương trình huấn luyện chính thức cho đối tượng cán bộ các cơ quan chức năng nói trên. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chúng về các hình thức bạo lực đối với phụ nữ đã được triển khai chủ yếu tại các địa phương thông qua chương trình tuyên truyền vận động của các đoàn thể quần chúng như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc ...
- Đặc biệt, Hội LHPNVN đã chỉ đạo, tiến hành nhiều hoạt động như sau:
 - Ban hành Nghị quyết chuyên đề về một số vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái bao gồm: Phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em và phòng chống bạo lực gia đình...
 - Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chiến dịch nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tư pháp, Kiểm sát, Tòa án và cán bộ chính quyền cơ sở.
 - Xây dựng tài liệu truyền thông như sách mỏng, tờ rơi, tranh cổ động “Làm thế nào xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”; xuất bản “Sổ tay bình đẳng giới”, tờ rơi “Pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em”.

- Phối hợp với Công an xây dựng tài liệu Hướng dẫn phối hợp giải quyết bạo lực gia đình tại cộng đồng.
- Thông báo bằng văn bản nhắc nhở các gia đình, cha mẹ tăng cường quản lý, trông nom con cái tránh bị lạm dụng tình dục.

Câu 10:

- *Cập nhật thông tin về tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em gái:*
- Hiện nay, nhiều phụ nữ nông thôn đã bị những kẻ môi giới hôn nhân bất hợp pháp lừa bán ra nước ngoài với những thủ đoạn tinh vi. Đối tượng bị môi giới chủ yếu là phụ nữ từ 18-35 tuổi, sống ở vùng nông thôn, miền núi, trình độ văn hoá thấp, thiếu thông tin, không có việc làm ổn định hoặc điều kiện kinh tế gia đình khó khăn...

- *Số vụ buôn bán đã bị khởi tố, xét xử:*

Từ năm 1998-2004, các cơ quan chức năng đã điều tra, khởi tố 1.460 vụ, gồm 2.519 bị can. Riêng năm 2005 và 6 tháng đầu năm 2006 đã khởi tố 223 vụ, 340 bị can; xét xử sơ thẩm 161 vụ với 289 bị cáo. Hàng ngàn phụ nữ, trẻ em là nạn nhân đã được giải thoát, hồi hương. Một số đường dây buôn bán phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài có quy mô lớn đã bị phát hiện, triệt phá.

- *Các hoạt động chủ yếu đã được thực hiện nhằm bảo vệ quyền lợi của nạn nhân bị buôn bán ra nước ngoài:*

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến buôn bán phụ nữ, trẻ em nhằm bảo vệ quyền lợi của nạn nhân bị buôn bán.
- Tổ chức khám chữa bệnh ban đầu cho các nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tại các đồn biên phòng, cửa khẩu.
- Tiếp nhận và hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về; dạy nghề, tạo việc làm cho nạn nhân phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.
- Hội LHPN các cấp tổ chức cho số chị em là nạn nhân trở về tham gia sinh hoạt Hội; giúp chị em vay vốn từ các nguồn vốn sẵn có ở địa phương đặc biệt là từ Quỹ phụ nữ nghèo bằng hình thức tín chấp.

- *Các biện pháp cụ thể nhằm giải quyết tình trạng buôn bán vì mục đích cưỡng ép hôn nhân hoặc những vụ lừa đảo hôn nhân:*

- *Về pháp luật:* ban hành và triển khai thực hiện các văn bản sau :

- + Chỉ thị số 03/CT-TTg, ngày 25/2/2005, của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý Nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.
- + Nghị định số 69/NĐ-CP, ngày 21/7/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/NĐ-CP, của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có

yếu tố nước ngoài, trong đó quy định chặt chẽ điều kiện kết hôn với người nước ngoài.

- + Nghị định số 150/2005/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội quy định phạt tiền từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ đối với một trong những hành sau : Xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng của người khác (trong đó có phụ nữ) ; môi giới, dẫn dắt, tổ chức, tạo điều kiện cho người khác kết hôn với người nước ngoài trái với thuần phong mỹ tục hoặc trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự.

- Về các hoạt động chủ yếu đang thực hiện:

- + Khảo sát tình hình thực hiện pháp luật về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài làm cơ sở xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.
 - + Ký các thoả thuận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam trong quan hệ hôn nhân với người nước ngoài.
 - + Thành lập các Trung tâm tư vấn hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại các địa bàn trọng điểm góp phần bảo đảm việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được thực hiện đúng pháp luật và lành mạnh. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại các địa bàn này.
 - + Thực hiện hiệu quả các dự án liên quan đến phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em thuộc Chương trình hành động quốc gia phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em.
- *Chính phủ Việt Nam ký các hiệp định song phương với các nước liên quan về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, cụ thể là:*
 - Tuyên bố chung về việc hợp tác và đấu tranh chống nhập cư bất hợp pháp và buôn phụ nữ, trẻ em giữa Việt Nam và Australia;
 - Hiệp định giữa Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc về phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;
 - Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa hai Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc;
 - Thoả thuận về cơ chế hợp tác giữa Bộ Công an hai nước Việt Nam và Trung Quốc;
 - Hiệp định giữa Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia về hợp tác song phương để loại trừ tệ nạn buôn bán người và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán.
 - Hiệp định giữa Bộ Nội vụ hai nước Việt Nam và Campuchia về hợp tác chống tội phạm;

- Hiệp định hợp tác giữa Chính phủ hai nước Việt Nam và Myanmar trong lĩnh vực phòng chống tội phạm.

Câu 11:

- *Các biện pháp đang được thực hiện nhằm ngăn chặn nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gái:*

- *Về pháp luật:* Tiếp tục ban hành và triển khai các văn bản sau:

- + Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg, ngày 14/7/2004, của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em giai đoạn 2004-2010.
- + Quyết định số 312/2005/QĐ-TTg, ngày 30/11/2005, của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt các đề án về ngăn chặn nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em, bao gồm: Đề án Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em do TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chủ trì thực hiện; Đề án đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em do Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chủ trì thực hiện; Đề án Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện.
- + Nghị quyết số 07/NQ-TW, ngày 29/12/2004, của Ban chấp hành Hội LHPN VN về một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái.

- *Về các hoạt động chủ yếu đang được thực hiện, kể cả các chương trình để giải quyết tận gốc tệ nạn này:*

- + Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân.
- + Tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của phụ nữ, trẻ em và người dân về thủ đoạn cũng như nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn nêu trên đồng thời giúp họ biết cách phòng chống tệ nạn này.
- + Tiến hành công tác đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em tại các địa bàn trọng điểm; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các tổ chức, đường dây buôn bán.
- + Lồng ghép công tác phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em với các chương trình phòng chống tệ nạn xã hội, vận động xoá đói, giảm nghèo, hỗ trợ vốn, dạy nghề, tạo việc làm cho các nạn nhân và đối tượng có nguy cơ cao.
- + Xử lý nghiêm minh các bị cáo trong những vụ án buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Câu 12:

- *Các biện pháp tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan hành pháp của Chính phủ:*

- Chủ trương “bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các vị trí quản lý, lãnh đạo” đã được quy định trong các văn kiện quan trọng của Đảng, Nhà nước, trong Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 2006- 2010.
- Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trong các cơ quan hành pháp các cấp thông qua tuyên truyền, tập huấn .
- Xây dựng quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể về cán bộ. Việc xây dựng quy hoạch đã gắn với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đề bạt cán bộ nữ.
- Tăng nguồn cán bộ, công chức nữ thông qua quy định tỷ lệ và cơ chế tuyển dụng đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ.
- Có các chương trình đào tạo, bồi dưỡng dành cho cán bộ công chức nữ.
- Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách nhằm tạo điều kiện phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nữ.
- *Số liệu cập nhật về tỷ lệ phụ nữ lãnh đạo trong các cơ quan hành pháp từ trung ương đến địa phương*

TT	Chức danh lãnh đạo	Tổng số	Nữ	
			Số lượng	Tỷ lệ
Bộ, cơ quan ngang Bộ				
1	Bộ trưởng	25	3	12%
2	Thứ trưởng	113	10	9%
3	Vụ trưởng	442	26	6%
4	Phó Vụ trưởng	967	138	14%
6	Trưởng phòng	451	114	25%
7	Phó trưởng phòng	533	175	33%
UBND tỉnh, thành phố, đô thị loại 1				
1	Chủ tịch	62	2	3,2%
2	Phó chủ tịch	190	32	16,8%
UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh				
1	Chủ tịch	689	26	3,7%
2	Phó chủ tịch	1472	205	13,9%

Câu 13:

- *Những biện pháp đang được thực hiện để tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các Ủy ban của Quốc hội:*

Nhiệm kỳ đại biểu Quốc hội khoá X được bắt đầu từ năm 2002 và kết thúc vào năm 2007. Do vậy, số lượng phụ nữ và nam giới tham gia vào Quốc hội cũng như các Ủy ban của Quốc hội là hầu như không đổi trong cả nhiệm kỳ.

Để tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các Ủy ban của Quốc hội nhiệm kỳ tới, các cơ quan chức năng sẽ tập trung vào một số giải pháp sau đây:

- Phấn đấu đạt chỉ tiêu 30% nữ trong Quốc hội khoá XI tại kỳ bầu cử năm 2007 theo Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến 2010 đã đề ra bằng cách quy định tỉ lệ nữ ứng cử viên, tổ chức tập huấn cho nữ ứng cử viên, tổ chức chiến dịch vận động bỏ phiếu cho phụ nữ.
- Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức giới cho Quốc hội và các cơ quan chuyên trách của Quốc hội, đặc biệt là bộ phận tổ chức- cán bộ.
- Đề xuất với Quốc hội về việc cân đối tỷ lệ nam nữ đại biểu trong các Ủy ban của Quốc hội khoá XI, đặc biệt là các lĩnh vực luật pháp, kinh tế, ngân sách.

Câu 14:

- *Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003- 2015* (GDCMN) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 872/CP-KG ngày 2 tháng 7 năm 2003 với 5 mục đích chiến lược sau:
 - Chuyển từ số lượng sang chất lượng và sự phù hợp.
 - Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.
 - Tạo cơ hội học tập suốt đời.
 - Huy động sự tham gia đầy đủ của cộng đồng- Mọi người vì giáo dục.
 - Đảm bảo quản lý hiệu quả và sử dụng nguồn lực tốt hơn bao giờ hết.
- *Các Mục tiêu cụ thể:*
 1. Chăm sóc Giáo dục mầm non (CSGDMN)
 - CSGDMN đến được với tất cả trẻ em trong độ tuổi từ 0-5 tuổi.
 - Tất cả trẻ 5 tuổi đều được học 1 năm giáo dục tiền học đường có chất lượng để chuẩn bị cho bậc tiểu học.
 - Cải thiện dịch vụ nhằm tăng cường sự phát triển toàn diện của trẻ
 - Chính sách quốc gia về CSGDMN có chất lượng và phù hợp với điều kiện kinh tế.
 - Tăng cường năng lực quản lý mầm non ở cấp địa phương.
 2. Giáo dục tiểu học:
 - Tất cả trẻ em được tiếp cận với giáo dục tiểu học có chất lượng và ở mức phù hợp với điều kiện kinh tế .
 - Tất cả trẻ em hoàn thành chu trình đầy đủ 5 lớp ở bậc tiểu học.
 - Mức chất lượng và kết quả học tập cao.
 - Tăng cường quản lý ở tất cả các cấp.
 - Cải cách và phát triển giáo dục cơ bản.

3. Trung học cơ sở:

- Tiếp cận với giáo dục trung học cơ sở có chất lượng và ở mức phù hợp với điều kiện kinh tế.
- Tất cả trẻ em hoàn thành chu trình đầy đủ 4 lớp ở bậc THCS.
- Mức chất lượng và sự phù hợp cao.
- Tăng cường quản lý ở tất cả các cấp.
- Cải cách và phát triển giáo dục cơ bản.

4. Giáo dục không chính quy:

- Cơ hội giáo dục cơ bản cho thanh thiếu niên thất học.
- Xóa mù chữ, các kỹ năng sống và cơ hội học tập suốt đời cho người lớn.
- Nâng cao chất lượng và sự phù hợp của tất cả các chương trình giáo dục không chính quy.
- Chiến lược quốc gia về giáo dục không chính quy và học tập suốt đời phù hợp.
- Tăng cường quản lý ở cấp địa phương.

• Các giải pháp thực hiện:

1. Giáo dục Mầm non:

- Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.
- Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục.
- Xây dựng và hoàn thiện quy hoạch mạng lưới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đối với các cơ sở giáo dục mầm non theo hướng chuẩn hoá.
- Bổ sung, hoàn thiện các chế độ, chính sách, thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

2. Giáo dục Tiểu học:

- củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ.
- Thực hiện phổ cập tiểu học đúng độ tuổi.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra.
- Xây dựng và đánh giá các trường tiểu học theo chuẩn quốc gia.

3. Giáo dục Trung học cơ sở:

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh.

- củng cố mạng lưới trường lớp, xây dựng trường chuẩn quốc gia, thực hiện phổ cập trung học cơ sở.
- Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.
- Xây dựng cơ sở vật chất nhà trường theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và hiện đại hoá.
- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục.
- Đổi mới quản lý giáo dục, tăng cường nền nếp, kỷ cương, ngăn chặn, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

4. Giáo dục không chính quy:

- Củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên, tăng cường các điều kiện phục vụ các hoạt động dạy và học.
- Củng cố kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học
- Tiếp tục phát triển các lớp bổ túc trung học cơ sở.
- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng sống đáp ứng nhu cầu người học trong các Trung tâm học tập cộng đồng.

• Kết quả đạt được:

1. Giáo dục Mầm non: (Số trẻ được huy động đến nhà trẻ, mẫu giáo)

Năm học	Nhà trẻ		Mẫu giáo	
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
2003 - 2004	413.784	196.581 (47,5%)	2.172.899	1.054.398 (48,5%)
2004 - 2005	421.436	197.257 (46,8%)	2.332.658	1.092.598 (46,8%)
2005 - 2006	513.423	212.268 (41,3%)	2.511.239	1.092.780 (43,5%)

2. Giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở

Năm học	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Trung học cơ sở	
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
2003 - 2004	8.350.191	3.951.439 (47,3%)	6.612.099	3.157.758 (47,7%)
2004 - 2005	7.773.484	3.690.563 (47,4%)	6.670.714	3.193.221 (47,8%)
2005 - 2006	7.321.739	3.505.626 (47,8%)	6.458.518	3.100.259 (48%)

Tỷ lệ trẻ em gái đến lớp tương đối ổn định ở từng cấp và tuy còn thấp hơn chút ít so với trẻ em nam. Hiện còn thiếu số liệu thống kê về giáo dục không chính quy tách biệt theo giới tính.

Câu 15:

- Theo Số liệu thống kê giới của Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21, tỷ lệ tốt nghiệp của nữ sinh so với nam sinh ở các cấp học như sau:

(đơn vị%)

<i>Bậc học</i>	<i>Năm học 2001 - 2002</i>		<i>Năm học 2002-2003</i>		<i>Năm học 2003 -2004</i>	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Tiểu học	99,44	99,43	99,55	99,62	99,80	99,83
THCS	96,52	97,20	95,98	96,54	96,00	95,64
THPT	91,69	87,81	92,10	92,16	90,89	92,30

- Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp của nữ sinh tương đương và có xu hướng tăng hơn so với tỷ lệ tốt nghiệp của nam sinh đặc biệt ở bậc Trung học phổ thông.

Câu 16:

- Qua các nghiên cứu do Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc thực hiện ở một số vùng cho thấy tỷ lệ nhập học của trẻ em gái dân tộc đã thay đổi theo chiều hướng tích cực. Năm học 2005- 2006 đã có 142.599 em gái trong tổng số 306.841 học sinh dân tộc thiểu số nhập học lớp 1 (chiếm 46,4%); có 126.523 em gái trong tổng số 274.723 học sinh dân tộc thiểu số nhập học lớp 5 (chiếm 46,05%).
- Các biện pháp đã thực hiện nhằm đảm bảo trẻ em gái dân tộc được tiếp cận bình đẳng tới giáo dục:
 - Thông qua các dự án và tiểu dự án để tiến hành điều tra, khảo sát; xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức biên soạn tài liệu liên quan đến giáo dục trẻ em gái, tập huấn cho giáo viên, học sinh, cộng đồng nhận thức về giới; tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về giáo dục trẻ em gái, tài trợ xây dựng các trung tâm giáo dục trẻ em gái..
 - Ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt duy trì và mở rộng hệ thống trường dân tộc nội trú và hình thành hệ thống trường nội trú xã, trường khu vực (tuyến huyện) để khuyến khích các gia đình nghèo gửi con đi học.
 - Khuyến khích phụ nữ và trẻ em gái ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người đến trường. Tăng tỷ lệ nữ sinh tại các trường dân tộc nội trú.
 - Tiếp tục hoàn thiện thể chế chính sách công bằng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt trong việc tiếp cận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở cho con em các hộ gia đình sinh sống trong các vùng nông thôn, các vùng nghèo,

đồng bào các dân tộc ít người, bảo đảm bình đẳng giới và tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em gái.

- Xây dựng cơ chế miễn giảm, hỗ trợ trọn gói (về học phí, sách giáo khoa, xây dựng trường, ăn ở, đi lại...) cho trẻ em các hộ gia đình nghèo trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, đặc biệt đối với trẻ em dân tộc thiểu số.
- Trẻ em gái dân tộc thiểu số là nhóm đối tượng ưu tiên đặc biệt được nêu trong Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003-2015. Cụ thể là: “ (1) Tạo điều kiện tiếp cận giáo dục tiểu học có chất lượng và phù hợp với điều kiện kinh tế cho tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em thiệt thòi và trẻ em gái. (2) Đảm bảo tất cả trẻ em đều hoàn thành chương trình đầy đủ 5 lớp của bậc giáo dục tiểu học”.

Câu 17:

- Giáo dục kế hoạch hoá gia đình và giới tính được Chính phủ quan tâm. Từ năm 1989 đến nay, vấn đề này chính thức được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông từ cấp tiểu học tới trung học phổ thông cho cả học sinh nam và nữ theo phương pháp tích hợp vào một số môn học.
- Được sự hỗ trợ của tổ chức UNFPA, những thông tin về kế hoạch hoá gia đình và giáo dục giới tính được chuyển tải tới thanh niên thông qua các hoạt động sau:
 - Thử nghiệm xây dựng một số nội dung giáo dục dân số, giáo dục giới tính tích hợp vào một số bài trong sách giáo khoa ở cấp phổ thông trung học và dạy thí điểm ở 17 tỉnh thành trên toàn quốc.
 - Tiếp đến, lần đầu tiên biên soạn một bộ chương trình tích hợp giáo dục dân số với 5 chủ đề cơ bản là: Nhân khẩu học, Môi trường, Gia đình, Giới và Dinh dưỡng. Các chủ đề trên được đưa vào giảng dạy 5 môn học ở bậc tiểu học (Toán, Tiếng Việt, Tìm hiểu Tự nhiên Xã hội, Đạo đức và Sức khoẻ) và 3 môn học ở bậc trung học (Địa lý, Sinh vật và Giáo dục công dân).

Ngoài ra, các tài liệu hướng dẫn giảng dạy và tập huấn cho giáo viên cũng được xây dựng nhằm giúp giáo viên dạy tốt hơn.

- Từ năm 1998, giáo dục dân số được tăng cường thêm một bước với các chủ đề về giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên.
- Đến thời điểm này, các nội dung giáo dục giới tính và dân số - sức khoẻ sinh sản được đưa vào sách giáo khoa là: mối quan hệ giữa phát triển dân số với các yếu tố khác, quy mô gia đình, di cư và việc đô thị hoá, dinh dưỡng, vấn đề

sinh sản và tránh thai, sự phát triển của trẻ vị thành niên, mang thai trong độ tuổi 13 - 19 và vấn đề nạo hút thai, các vấn đề về giới, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, sử dụng thuốc bừa bãi, bảo vệ môi trường và các chính sách về dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Câu 18:

Nhằm bảo vệ sức khoẻ, đảm bảo chức năng sinh đẻ, nuôi con của lao động nữ, căn cứ điều kiện lao động thực tế của các ngành nghề, ngày 28/01/1994, Bộ Lao động- Thương binh- Xã hội và Bộ Y tế đã ra Thông tư Liên Bộ số 03/TT-LĐ quy định các điều kiện lao động có hại và công việc không được sử dụng lao động nữ. Cụ thể là:

- 8 điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ: nơi có áp suất lớn hơn áp suất khí quyển; trong hầm lò; nơi cheo leo nguy hiểm; nơi làm việc không phù hợp với thân kinh, tâm lý phụ nữ; ngâm mình thường xuyên dưới nước, ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng; nặng nhọc quá sức (mức tiêu hao năng lượng trung bình trên 5 Kcal/phút, nhịp tim trung bình trên 120/phút); tiếp xúc với phóng xạ hử; trực tiếp tiếp xúc với hoá chất có khả năng gây biến đổi gen.
- 5 điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ có thai, đang cho con bú (12 tháng) và lao động nữ vị thành niên: tiếp xúc với điện từ trường ở mức quá giới hạn cho phép; trực tiếp tiếp xúc với một số hoá chất mà sự tích lũy của nó trong cơ thể ảnh hưởng xấu đến chuyển hoá tế bào, dễ gây sảy thai, đẻ non, nhiễm trùng nhau thai, khuyết tật bẩm sinh, ảnh hưởng xấu tới nguồn sữa mẹ, viêm nhiễm đường hô hấp; nhiệt độ không khí trong nhà xưởng từ 45 độ C trở lên về mùa hè và từ 40 độ C trở lên vào mùa đông hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao; trong môi trường có độ rung cao hơn tiêu chuẩn cho phép; tư thế làm việc gò bó hoặc thiếu dưỡng khí.
- Thông tư cũng ban hành kèm theo danh mục 83 công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc cho con bú (dưới 12 tháng) và lao động nữ vị thành niên.

Tới đây, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tiến hành phối hợp với các bộ ngành liên quan rà soát, sửa đổi danh mục nêu trên cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Câu 19:

- *Một số thông tin về tiền lương giữa phụ nữ và nam giới:*

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chính sách tiền lương không có sự phân biệt giữa lao động nam và nữ, cụ thể:

- Điều 111 của Bộ luật Lao động (sửa đổi bổ sung năm 2002) quy định: người sử dụng lao động phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động.
- Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31/12/2002 và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn cũng đã quy định việc xếp lương và trả lương được thực hiện theo nguyên tắc làm công việc gì thì xếp lương và trả lương theo công việc đó bất kể họ là lao động nam hay nữ. Nghị định số 114 nêu trên cũng đã quy định 2 thang lương và 20 bảng lương chung cho cả lao động nam và nữ để áp dụng thống nhất trong các doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước thì tự xây dựng thang lương, bảng lương theo các nguyên tắc chung áp dụng cho cả lao động nam và nữ được quy định tại Nghị định số 114 như đã nêu và Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 01/02/2006 của Chính phủ.
- *Về sự cách biệt tiền lương giữa phụ nữ và nam giới có cùng mức thâm niên và trách nhiệm như nhau ở mỗi ngành nghề:*

Như trên đã nêu, theo đó, không có trường hợp lao động nam hoặc nữ làm công việc có giá trị ngang nhau, có cùng mức thâm niên và trách nhiệm ở mỗi ngành nghề mà lại hưởng tiền lương (tiền công) khác nhau.

Câu 20 :

Việt Nam là đất nước chịu ảnh hưởng của tư tưởng nho giáo phong kiến. Người phụ nữ Việt Nam truyền thống luôn kín đáo và giữ gìn nhân phẩm ở mọi nơi, mọi lúc. Đồng nghiệp nam của họ cũng luôn tôn trọng và đánh giá cao những đức tính này ở các đồng nghiệp nữ.

Ở Việt Nam, quấy rối tình dục tại nơi làm việc chưa trở thành nghiêm trọng. Khái niệm này chưa được quy định trong bất cứ văn bản luật nào và cũng chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ về tình trạng nêu trên.

Tuy nhiên, trên thực tế đã xảy ra một số trường hợp quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Do quan niệm truyền thống, những người phụ nữ này thường âm thầm chịu đựng hoặc phản ánh với Ban nữ công, Công đoàn để được bênh vực, bảo vệ. Họ chỉ nhờ pháp luật giải quyết khi tình trạng này đã trở nên nghiêm trọng.

Luật pháp của Việt Nam đã có những quy định tương tự áp dụng đối với các trường hợp quấy rối tình dục tại nơi làm việc, cụ thể:

- Khoản 1 Điều 111 Bộ luật Lao động quy định: nghiêm cấm người sử dụng lao động có hành vi xúc phạm danh dự và nhân phẩm của phụ nữ.
- Bộ luật Hình sự dành 1 chương với 30 điều quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, trong đó có Điều 121 quy định về tội làm nhục người khác: Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Đối với người lợi dụng

chức vụ, quyền hạn để làm nhọc người khác thì khung hình phạt là từ một năm đến ba năm.

Câu 21:

- *Phạm vi làm việc của phụ nữ trong khu vực phi chính quy:*

Theo số liệu Điều tra mức sống dân cư 2004 của Tổng cục Thống kê (GSO), lực lượng lao động trong khu vực phi chính quy là khoảng 41 triệu người, trong đó lao động nữ chiếm gần 60%. Phụ nữ chiếm số đông nhất là trong các cơ sở sản xuất kinh doanh siêu nhỏ, lao động tại nhà, lao động làm thuê cho gia đình hoặc lao động di cư, làm khoán, gia công sản phẩm...

- *Về điều kiện làm việc của lao động nữ ở khu vực phi chính quy:*

- Hầu hết lao động nữ làm thuê ở khu vực này chưa được ký hợp đồng lao động bằng văn bản mà chủ yếu qua thoả thuận miệng và thời gian làm việc thường dưới 3 năm.
- Trung bình, một người lao động trong lĩnh vực phi chính quy phải làm việc khoảng 28,2 ngày/tháng. Thời gian làm việc trong ngày trung bình của chủ cơ sở từ 9,3 đến 9,96 giờ/ngày; của người lao động làm thuê khoảng 8,48- 8,97 giờ/ngày. Họ rất ít ngày nghỉ trong năm.
- Địa điểm sản xuất kinh doanh thường không ổn định, trừ những người sản xuất kinh doanh tại nhà và thuê quầy cố định ở chợ. Trang thiết bị, công cụ lao động cho phụ nữ thường lạc hậu. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động chưa đảm bảo.
- Thu nhập bình quân của lao động nữ thấp, chỉ bằng 74% của lao động nam và rất bấp bênh, không đủ nuôi sống bản thân và gia đình. Trong số họ có 41% phải làm thêm công việc thứ 2 trở lên và 37% thiếu việc làm.
- Hầu hết lao động nữ chưa tiếp cận được với hệ thống bảo hiểm xã hội nên không nhận được sự bảo trợ. Số ngày nghỉ ốm trong năm của lao động nữ rất thấp (khoảng 4 ngày/năm). Họ không được hưởng bất kỳ chế độ thai sản nào và phải tự trang trải mọi khoản chi phí liên quan đến việc khám thai và sinh đẻ.

- *Các biện pháp nhằm hỗ trợ tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ ở khu vực phi chính quy:*

- *Về biện pháp pháp luật:*

- + Bộ Luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002) đã khẳng định: “Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật ngăn cấm đều được thừa nhận là việc làm”. Với quy định này, những người phụ nữ làm việc ở khu vực phi chính quy được tôn trọng và bảo đảm các quyền của người lao động. Những quy định riêng đối với lao động nữ được nêu tại chương X của Bộ luật Lao động đã tạo hành lang pháp lý để phụ nữ tham gia

thị trường lao động phát huy được vai trò của mình và đảm bảo các quyền lợi cho lao động nữ nói chung trong lĩnh vực lao động việc làm.

- + Dự thảo Luật Bình đẳng giới dự kiến được thông qua tới đây, trong đó quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính; lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật. Dự thảo luật này cũng quy định phụ nữ nghèo (ngoài đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội) khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- Về các biện pháp khác:

- + Hỗ trợ vốn cho người lao động ở khu vực phi chính quy thông qua hệ thống các ngân hàng và tổ chức đoàn thể, trong đó có Hội LHPN các cấp.
- + Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm và các chương trình xoá đói giảm nghèo thông qua các hình thức hỗ trợ về vốn vay phát triển việc làm.
- + Thực hiện và khuyến khích các chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, trang bị kỹ năng, kiến thức sản xuất kinh doanh cho phụ nữ.
- + Các địa phương thực hiện chủ trương phát triển các ngành nghề truyền thống, củng cố các làng nghề, tăng cường sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp nông thôn.

Câu 22:

- Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 36/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2004 với 9 chương trình hành động. Trong đó, chương trình hành động số 6 là chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con tập trung vào các vấn đề có liên quan đến phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Cụ thể như sau:
 - Nâng cao nhận thức của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ về nguy cơ lây nhiễm HIV và khả năng lây truyền HIV từ mẹ sang con.
 - Tăng cường công tác giáo dục truyền thông về dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con, đặc biệt là phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ và phụ nữ dễ bị tổn thương..., lồng ghép với chương trình giáo dục sức khoẻ sinh sản và làm mẹ an toàn. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông thông qua các hệ thống tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên...
 - Tăng cường các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ cho phụ nữ đồng thời huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức ban ngành đoàn thể có liên quan như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên.

- Tăng cường hỗ trợ cung cấp trang thiết bị, thuốc và năng lực cán bộ cho các cơ sở sản khoa. Đảm bảo việc cung cấp đầy đủ các dịch vụ y tế cho các đối tượng là phụ nữ cần được tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ đặc biệt.
- Tính đến ngày 30/6/2006, tích lũy HIV trên toàn quốc là 109.989 trường hợp trong đó có 18.581 trường hợp chuyển thành AIDS và 10.785 trường hợp tử vong. Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS và tử vong do AIDS theo giới tính như sau:

Đối tượng	Tỷ lệ			Phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49
	Nữ	Nam	Tổng cộng	
Người nhiễm HIV	15,21%	84,79%	100%	93,2%
Bệnh nhân AIDS	16,23%	83,77%	100%	89,85%
Tử vong do AIDS	15,12%	84,88%	100%	92,27%

Trong số 109.989 trường hợp nhiễm HIV có 2,54% đối tượng là gái mại dâm. Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con chiếm 1,08%.

Theo báo cáo phân tích giám sát trọng điểm qua các năm (được tiến hành tại 40 tỉnh, thành phố) tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ mang thai năm 2003 là 0,24% đến năm 2005 tăng lên 0,37%. Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm gái mại dâm năm 2003 là 3,76% đến năm 2005 giảm xuống còn 3,53%.

- Theo thống kê của Bộ Y tế, từ tháng 9/2005 đến 15/8/2006 tổng liều điều trị HIV/AIDS bằng ARV (thuốc kháng vi rút) cho người lớn là 4861 liều. Thuốc dự phòng lây truyền từ mẹ sang con có khoảng 1385 liều. Thuốc điều trị cho trẻ em khoảng 669 liều. Nhìn chung, số thuốc nêu trên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.
- Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS cũng như các dự án hoạt động trong lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS đã hỗ trợ trang thiết bị và nhân lực thiết lập được hơn 200 phòng Tư vấn xét nghiệm tự nguyện (phòng VCT) tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Mặt khác, tại các cơ sở sản phụ khoa đặc biệt là tuyến Trung ương và tuyến tỉnh đang triển khai công tác tư vấn xét nghiệm tự nguyện cho các phụ nữ mang thai đến khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Ngoài ra Bộ Y tế còn phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền chống kỳ thị đối với bệnh nhân HIV/AIDS.

Câu 23:

- Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có tỷ lệ nạo phá thai cao, đặc biệt là vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước. Từ năm 1996, số ca phá thai đã giảm đi một cách rõ rệt. Các biện pháp có tính chất cơ bản và lâu

dài nhằm hạn chế có thai ngoài ý muốn cũng đã và được triển khai thực hiện như:

Các biện pháp dự phòng cấp I:

- Đa dạng hoá các biện pháp tránh thai nhằm tăng khả năng lựa chọn và tăng tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại thay thế các biện pháp tránh thai truyền thống kém hiệu quả.
- Tăng cường tiếp cận và cải thiện chất lượng các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.
- Cung cấp dịch vụ KHHGĐ cho mọi đối tượng có nhu cầu, bao gồm không chỉ có các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ mà còn cả các đối tượng khác như nam, nữ độc thân, thanh niên và vị thành niên.

Các biện pháp dự phòng cấp II:

- Phổ biến rộng rãi và cung cấp các biện pháp tránh thai khẩn cấp, đặc biệt là viên tránh thai khẩn cấp trong các trường hợp dùng biện pháp tránh thai bị thất bại hoặc sau quan hệ tình dục không được bảo vệ.
 - Trong những trường hợp sử dụng biện pháp tránh thai bị thất bại, phụ nữ được tiếp cận với dịch vụ phá thai an toàn. Ngoài chất lượng dịch vụ được đảm bảo bao gồm tuân thủ quy trình chuẩn, tư vấn trước, trong và sau phá thai, xử lý dụng cụ, khống chế nhiễm khuẩn, việc chăm sóc sau phá thai, đặc biệt là cung cấp các biện pháp tránh thai cho khách hàng sau phá thai để tránh tái nạo phá thai.
- Chiến lược quốc gia về Chăm sóc sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2001-2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 136/2000/QĐ-TTg ngày 28/11/2000 đã xác định chăm sóc sức khoẻ sinh sản và phòng chống bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền theo đường tình dục ở lứa tuổi vị thành niên là một trong các nội dung ưu tiên cần được triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Chiến lược thời gian qua, các giải pháp chính để cải thiện tình hình sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ tình dục của vị thành niên được áp dụng là giáo dục, tư vấn song song với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản phù hợp với vị thành niên.

Nhằm cụ thể hoá Chiến lược nêu trên, Bộ Y tế đã xây dựng, phê duyệt và ban hành Kế hoạch tổng thể về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ sinh sản vị thành niên và thanh niên giai đoạn 2006-2010. Kế hoạch tổng thể đã đề

ra các mục tiêu và giải pháp cụ thể nhằm bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe vị thành niên và thanh niên.

Một trong những mục tiêu mà Kế hoạch tổng thể xác định là nâng cao kiến thức, kỹ năng và hành vi của vị thành niên và thanh niên trong việc tự bảo vệ và nâng cao sức khỏe; tăng cường tiếp cận dịch vụ đặc hiệu và thích hợp với nhóm tuổi và giới đối với vị thành niên và thanh niên thông qua các biện pháp như tổ chức các điểm cung cấp dịch vụ thân thiện, góc bạn hữu, nhà thuốc thân thiện cho vị thành niên và thanh niên... Các chỉ tiêu cụ thể được xác định đến năm 2010 là:

- 80% cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản thực hiện thông tin - giáo dục - tư vấn về sức khỏe sinh sản cho vị thành niên và thanh niên.
- 50% điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản được đào tạo và thực hiện được việc cung cấp “Dịch vụ thân thiện”.
- 100% điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có tài liệu hướng dẫn triển khai “Dịch vụ thân thiện” thực hiện Chiến lược.

Tiếp theo việc ban hành kế hoạch tổng thể, hiện nay, được sự hỗ trợ của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Tổ chức Cứu trợ Nhi đồng Mỹ (SCUS), Bộ Y tế đang xây dựng tài liệu Hướng dẫn chuẩn về cung cấp dịch vụ thân thiện cho vị thành niên. Tài liệu hướng dẫn chuẩn sau khi được ban hành sẽ là cơ sở để thống nhất triển khai thực hiện trong phạm vi cả nước.

Câu 24:

Sau 3 năm thực hiện Kế hoạch hành động giới trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2005, kết quả như sau:

- *Những tiến bộ đạt được:*
 - Nhận thức về giới trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người lao động bước đầu được nâng lên.
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ ngành hữu quan điều chỉnh một số chính sách nhằm tăng quyền của phụ nữ trong việc tiếp cận nguồn lực:
 - + Luật Đất đai sửa đổi quy định ghi tên cả vợ và chồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thay cho trước đây thường chỉ có tên chủ hộ.

- + Thực hiện lồng ghép giới trong nhiều dự án hỗ trợ kỹ thuật và phát triển nông nghiệp và nông thôn như: các dự án chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, kết cấu hạ tầng nông thôn vv...
- + Quy định 45% tỷ lệ nữ tham gia các lớp học khuyến nông, khuyến lâm và thủy lợi. Hiện nay tỷ lệ này đã đạt 35% tăng 5-6 % so với trước.
- *Những khó khăn, thách thức:*
 - Tư tưởng “trọng nam hơn nữ” đang tồn tại đã cản trở thực hiện bình đẳng giới.
 - Kinh phí dành cho hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ còn rất eo hẹp.
 - Hệ thống số liệu thống kê trong ngành nông nghiệp chưa có sự tách biệt giới nên gây khó khăn trong việc đánh giá thực trạng và xây dựng các kế hoạch có gắn yếu tố giới.
- *Những biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng, tăng việc làm cũng như tăng năng suất và sự tham gia của phụ nữ nông thôn vào các doanh nghiệp nhỏ:*
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai nhiều chương trình trọng điểm: khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chương trình “mỗi làng một sản phẩm”...
 - Bộ chỉ đạo các địa phương tích cực triển khai chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, đa dạng hoá ngành nghề, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp, mở rộng hợp tác xuất khẩu lao động..., tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và nâng cao kỹ năng cho phụ nữ.
 - Chính sách phát triển sản xuất hàng hoá trong ngành chăn nuôi và trồng trọt, phát triển trang trại, quy hoạch lại đất sản xuất, xây dựng hệ thống chợ... đã giúp tăng năng suất lao động và thu hút phụ nữ vào các loại hình dịch vụ, doanh nghiệp.
 - Phát triển ngành nghề và khôi phục các làng nghề truyền thống, chế biến nông lâm sản, dịch vụ, du lịch tại các vùng nông thôn...
- *Các biện pháp tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ và trẻ em gái nông thôn với y tế:*

Nhiều chính sách của Nhà nước được ban hành và sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường sự tiếp cận của người dân đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái nông thôn tới y tế, cụ thể:

 - Trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí.
 - Củng cố hoàn thiện mạng lưới y tế theo cụm dân cư (thay cho mạng lưới y tế theo địa giới hành chính trước đây).
 - Ưu tiên nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện về cơ sở vật chất, trình độ y sĩ, bác sĩ.
 - Quy định tất cả các trạm y tế có nữ hộ sinh.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ việc khám chữa bệnh cho người nghèo trong đó có phụ nữ như: mua thẻ bảo hiểm y tế 50.000đ/người/năm hoặc thực thanh thực chi viện phí và khám chữa bệnh ở tuyến xã; hỗ trợ viện phí cho các trường hợp khó khăn đột xuất.
- Các dự án tập trung hỗ trợ năng lực và tăng cường sức khỏe cho người dân trong đó đặc biệt quan tâm phụ nữ ở các tỉnh nghèo, tỉnh miền núi khó khăn.
- Tuyên truyền, giáo dục cho người dân nông thôn và người dân tộc thiểu số có ý thức tự chăm sóc sức khỏe.
- Thực hiện xã hội hóa việc khám chữa bệnh và đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh.
- *Các biện pháp tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ và trẻ em gái nông thôn với giáo dục:*
 - Tiếp tục thực hiện “Ngày đưa trẻ đến trường ” vào dịp khai giảng mừng 5/9 hàng năm.
 - Phát triển hệ thống “Hội Khuyến học” ra toàn quốc nhằm khuyến khích trẻ em đến trường trong đó có trẻ em gái. Hội được tổ chức tới tận các dòng họ, làng xã để giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn đến trường và khen thưởng thành tích học tập tốt.
 - Tổ chức các lớp xóa mù chữ ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt quan tâm đến đối tượng phụ nữ dưới 40 tuổi và trẻ em gái.
 - Tổ chức các chương trình giáo dục cộng đồng thu hút cả nam và nữ tham gia.
 - Thực hiện chương trình cử đi học không qua thi tuyển đối với một số vùng miền núi.
 - Xã hội hóa công tác giáo dục, thúc đẩy sự tham gia của người dân.
 - Các chương trình giáo dục nâng cao kiến thức của Hội LHPNVN ở các địa phương dành riêng cho phụ nữ.

Câu 25:

- *Thông tin về điều kiện sống của phụ nữ nông thôn miền núi và ở vùng sâu, đặc biệt là nữ chủ hộ, dân tộc thiểu số:*

Đến nay, điều kiện cơ sở hạ tầng ở vùng nghèo, vùng xa đã có nhiều cải thiện. Đến cuối năm 2005 có trên 94,3% số xã có điện; 60% số xã có điểm bưu điện văn hoá; gần 100% xã có trạm y tế xã và trường tiểu học, 94,5% số xã có đường giao thông. Số dân nông thôn được cấp nước sạch là 62%. Đồng thời, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam theo chuẩn quốc tế đã giảm đáng kể từ 37,4% (1998) xuống còn 24,1% (năm 2005). Giá trị sản xuất nông nghiệp trong 3 năm (2003-2005) tăng bình quân khoảng 4,5%. (*Theo báo cáo thường niên 2004-2005 của Việt Nam về tăng trưởng và giảm nghèo*).

Do đó, đời sống và sức khỏe của người dân, trong đó có phụ nữ ở vùng sâu và vùng xa đã được cải thiện. Cụ thể, tỷ lệ phụ nữ sinh con được cán bộ y tế chăm sóc ở vùng Tây nguyên là 72,2% và vùng Đông Bắc là 88,3%. Tỷ lệ phụ nữ biết chữ trong đồng bào dân tộc Tày là 89%, Thái là 69%, H'Mông là 21%, các dân tộc khác là 70% và tỷ lệ phụ nữ người Kinh (dân tộc đa số) biết chữ là 92%. Hộ gia đình do phụ nữ làm chủ chiếm khoảng 27% và có mức sống không thấp hơn so với hộ do nam giới làm chủ. Phụ nữ nghèo nông thôn cũng đã và đang được tiếp cận với vốn tín dụng từ các nguồn khác nhau để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập.

Để đạt được những thành tựu trên, Chính phủ Việt Nam đã và đang kiên trì thực hiện chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội, trong đó có quyền lợi chính đáng của các tầng lớp nhân dân và phụ nữ. Đặc biệt, Chương trình 135 về phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu và vùng xa giai đoạn 2 (2006-2010) đang tiếp tục được triển khai nhằm xây dựng đường giao thông, trạm y tế và trung tâm văn hoá xã và cung cấp nước sạch cho người dân. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế-xã hội ở nông thôn còn hạn chế nên đời sống người dân nói chung nông thôn trong đó có phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn.

- *Thông tin về phụ nữ cao tuổi:* Tổng số người cao tuổi ở Việt Nam là hơn 9,8 triệu người trong đó phụ nữ cao tuổi chiếm 58%. Đa số phụ nữ cao tuổi sống cùng con cháu và họ hàng. Một số cụ độc thân được chăm sóc và nuôi dưỡng tại các trung tâm bảo hiểm xã hội của địa phương. Họ được hưởng ưu đãi chính sách ưu đãi như: trợ cấp xã hội với các đối tượng khó khăn và cấp thẻ bảo hiểm y tế; khám sức khỏe miễn phí hai lần/năm. Nhìn chung, họ đang tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội và văn hoá của cộng đồng, đặc biệt có uy tín cao trong làng xã. Tuy nhiên, vẫn còn có một bộ phận phụ nữ cao tuổi cô đơn đang sống trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn.

Câu 26:

Các biện pháp được áp dụng nhằm bảo đảm bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử với phụ nữ dân tộc thiểu số:

- **Trong vấn đề ly hôn:** Tiếp tục thực hiện Nghị định số 32/2002 về áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số. Phổ biến với đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt với phụ nữ về pháp luật hôn nhân và gia đình. Triển khai công tác hoà giải và tư vấn pháp luật cho các cặp vợ chồng khi ly hôn. Hội phụ nữ có tiếng nói bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ và trẻ em. Pháp huy vai trò của già làng, trưởng bản và những người có uy tín ở cộng đồng trong việc ngăn ngừa phân biệt đối xử với phụ nữ trong các vụ ly hôn. Xét xử các vụ ly hôn theo đúng pháp luật. Triển khai công tác thi hành án có quan tâm thoả đáng tới quyền và lợi ích của phụ nữ, trẻ em.

- ***Trong lĩnh vực thừa kế:*** trong những năm gần đây, việc triển khai pháp luật về đất đai đã có nhiều tiến bộ theo hướng đảm bảo tốt hơn quyền bình đẳng của phụ nữ. Nhà nước tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số các phương tiện thu sóng truyền thanh, truyền hình, tổ chức phân phát sách báo và phát sóng bằng tiếng dân tộc thiểu số, tổ chức các sinh hoạt cộng đồng, tăng cường nếp sống văn hoá mới, giảm các hủ tục lạc hậu, trong đó có vấn đề thừa kế của phụ nữ.
- ***Trong lĩnh vực tiếp cận y tế:*** Nhà nước tăng cường đầu tư nâng cấp các cơ sở y tế xã, đặc biệt ưu tiên cho các vùng sâu, vùng xa để có đủ năng lực cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ thiết yếu, cơ bản. Tăng cường nhân lực, vật lực cho các đội y tế lưu động. Triển khai chương trình chống suy dinh dưỡng trẻ em và thiếu máu ở phụ nữ có thai ở các vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, trong đó có phụ nữ theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo.

Ngoài ra, Nhà nước tiếp tục hoàn chỉnh khung luật pháp, chính sách và các biện pháp triển khai nhằm bảo đảm tốt hơn các quyền bình đẳng của phụ nữ. Đặc biệt, phải kể tới Luật Bình đẳng giới đang được soạn thảo và việc Quốc hội vừa mới thông qua Kế hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội 2006 –2010 được lồng ghép các mục tiêu bình đẳng giới và đã phản ánh được nhu cầu, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số. Vai trò giám sát của cộng đồng dân cư và các đoàn thể trong đó có Hội phụ nữ cũng góp phần quan trọng.

Câu 27:

- *Các biện pháp đã được tiến hành nhằm đảm bảo quyền sở hữu tài sản của phụ nữ:*
 - Bộ Tài Nguyên - Môi trường kết hợp chặt chẽ với các địa phương để chỉ đạo việc thực hiện Luật Đất đai sửa đổi năm 2003. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở thuộc sở hữu chung đã được ghi tên cả vợ và chồng trên cơ sở nhu cầu của các hộ gia đình.
 - Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại các địa phương triển khai Nghị định 70/2001/NĐ - CP thực hiện đổi giấy chứng nhận cũ lấy giấy chứng nhận mới có ghi tên cả vợ và chồng cho các hộ gia đình có nhu cầu.
 - Bên cạnh đó, đối với tài sản của riêng phụ nữ vẫn được pháp luật đảm bảo.
 - Công tác tuyên truyền phổ biến về pháp luật đất đai đã được quan tâm hơn trước. Đặc biệt, Hội phụ nữ đã tích cực tuyên truyền trong phụ nữ, hội viên về quyền bình đẳng trong gia đình, trong đó có vấn đề quyền sở hữu tài sản của phụ nữ.

Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận người dân trong đó có phụ nữ chưa ý thức đầy đủ về việc được hưởng tài sản nói chung hoặc chưa thấy sự cần thiết phải đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng nhà ở có tên cả vợ và chồng. Vì vậy, công tác tuyên truyền vận động vẫn phải được đẩy mạnh trong thời gian tới. Nhà nước cũng cần có biện pháp cấp lại giấy chứng nhận mới có tên cả vợ và chồng mà không cần yêu cầu người dân có đề nghị.